|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTỈNH HÀ NAMSố: /2025/NQ-HĐND |  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*Hà Nam, ngày tháng năm 2025* |

 **DỰ THẢO (14/01/2025)**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chức danh, mức phụ cấp và kiêm nhiệm chức danh**

 **người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ đối với người thực hiện nhiệm vụ khác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, hoạt động của thôn,**

 **tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

**KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2019/QH14;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH1 ngày 05 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022;*

*Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2009/TT-BNN ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên chuyên môn, kỹ thuật ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn công tác trên địa bàn cấp xã;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số;*

*Xét đề nghị của Uỷ ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số ....../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 về việc ban hành Nghị quyết quy định chức danh, mức phụ cấp và kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ đối với người thực hiện nhiệm vụ khác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chức danh, mức phụ cấp và kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ đối với người thực hiện nhiệm vụ khác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

1. Đối tượng áp dụng

a) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;

b) Người thực hiện nhiệm vụ khác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

c) Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

**Điều 2. Chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ đối với người thực hiện nhiệm vụ khác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

1. Chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố *(Theo Phụ lục số 01 kèm theo Nghị quyết);*

2. Mức hỗ trợ đối với người thực hiện nhiệm vụ khác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố *(Theo Phụ lục số 02 kèm theo Nghị quyết);*

3*.* Mức hỗ trợ hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam *(Theo Phụ lục số 03 kèm theo Nghị quyết).*

**Điều 3. Việc bố trí kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh**

1. Về kiêm nhiệm chức danh

1. Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách và người thực hiện nhiệm vụ khác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố để đảm bảo không vượt quá số lượng quy định ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

b) Một người được kiêm nhiệm tối đa 02 chức danh.

2. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh:

a) Người kiêm nhiệm chức danh được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp quy định của chức danh kiêm nhiệm.

b) Phụ cấp kiêm nhiệm không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

**Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí chi trả theo Nghị quyết này do ngân sách Nhà nước đảm bảo theo phân cấp của ngân sách hiện hành.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh quy định chức danh, mức phụ cấp và kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ đối với người thực hiện nhiệm vụ khác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khóa XIX, kỳ họp thứ ….. thông qua ngày ... tháng ... năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày … tháng … năm 2025./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;- Chính phủ;- Vụ pháp chế các Bộ: Nội vụ, Tài chính;- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;- TT Tỉnh ủy;- TT HĐND tỉnh; - UBND tỉnh, Uỷ ban MTTQ tỉnh; - Đoàn ĐBQH tỉnh;- Các Ban, các Tổ, các đại biểu HĐND tỉnh;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;- Công báo tỉnh;- Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH****Lê Thị Thủy** |

**PHỤ LỤC 01**

**QUY ĐỊNH CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ, Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ; MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

 *(Ban hành kèm theo Nghị quyết số …../2025/NQ-HĐND ngày … tháng … năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam)*

**1. Chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo phân loại đơn vị hành chính:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Chức danh** | **Mức phụ cấp hằng tháng** *(Hệ số x mức lương cơ sở/tháng - Bao gồm cả bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế)* |
| **Loại I** | **Loại II** | **Loại III** |
| 1 | Phó Trưởng ban Tuyên giáo - Dân vận Đảng ủy | 1,2 | 1,0 | 0,8 |
| 2 | Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra Đảng ủy | 1,1 | 1,0 | 0,8 |
| 3 | Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự | 2,3 | 2,2 | 2,1 |
| 4 | Trưởng Đài truyền thanh | 1,7 | 1,4 | 1,2 |
| 5 | Nhân viên Đài truyền thanh | 1,4 | 1,1 | 1,0 |
| 6 | Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc | 1,5 | 1,3 | 1,0 |
| 7 | Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ | 1,4 | 1,2 | 1,0 |
| 8 | Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh | 1,4 | 1,2 | 1,0 |
| 9 | Phó Chủ tịch Hội Nông dân *(đối với xã, thị trấn và phường có tổ chức Hội Nông dân)* | 1,4 | 1,2 | 1,0 |
| 10 | Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh | 1,4 | 1,2 | 1,0 |
| 11 | Chủ tịch Hội Người cao tuổi | 1,4 | 1,2 | 0,9 |
| 12 | Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ | 1,2 | 1,0 | 0,8 |
| 13 | Chủ tịch Hội Khuyến học | 1,2 | 1,0 | 0,8 |
| 14 | Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin | 1,2 | 1,0 | 0,8 |
| 15 | Chủ tịch Hội Cựu Thanh niên xung phong | 1,2 | 1,0 | 0,8 |
|  | **Cộng** | **21,0** | **18,0** | **15,0** |

**2. Mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Chức danh** | **Mức phụ cấp hằng tháng** (Hệ số x mức lương cơ sở/tháng)  |
| **Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; TDP có từ 500 hộ gia đình trở lên; Thôn, TDP thuộc ĐVHC cấp xã trọng điểm, phức tạp về ANTT theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền; Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành TDP do thành lập ĐVHC đô thị cấp xã** | **Thôn, TDP còn lại** |
| 1 | Bí thư chi bộ  | 1,9 | 1,4  |
| 2 | Trưởng thôn(Tổ trưởng Tổ dân phố) | 2,7 | 2,1  |
| 3 | Trưởng Ban công tác mặt trận | 1,4 | 1,0 |
| **Tổng** | **6,0** | **4,5** |

**3. Mức hỗ trợ hằng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố:**

a) Đối với thôn, tổ dân phố loại I được bố trí 01 Phó trưởng thôn hoặc 01 Tổ phó tổ dân phố.

Mức hỗ trợ: Phó trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố được hưởng mức hỗ trợ bằng 0,8 mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Mức hỗ trợ hằng tháng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố (*Phó Bí thư chi bộ; Chi hội trưởng chi hội Người cao tuổi; Chi hội trưởng chi hội Cựu chiến binh; Chi hội trưởng chi hội Liên hiệp phụ nữ; Chi hội trưởng chi hội Nông dân (đối với thôn, tổ dân phố có hoạt động sản xuất nông nghiệp); Bí thư Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh)* như sau:

- Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên, TDP có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc ĐVHC cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành TDP do thành lập ĐVHC đô thị cấp xã: 350.000 đồng/người/tháng.

- Đối với các thôn, tổ dân phố còn lại: 300.000 đồng/người/tháng.

**PHỤ LỤC 02**

**QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI NGƯỜI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHÁC Ở CẤP XÃ, Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số …../2025/NQ-HĐND ngày … tháng … năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam)*

1. **Mức hỗ trợ đối với người thực hiện nhiệm vụ khác ở cấp xã:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Chức danh** | **Mức hỗ trợ**  |
| 1 | Nhân viên thú y *(ở xã, phường, thị trấn)* | 2.340.000 đồng/người/tháng |
| 2 | Nhân viên khuyến nông *(ở xã, phường, thị trấn có hoạt động sản xuất nông nghiệp)* | 2.340.000 đồng/người/tháng |
| 3 | Nhân viên trồng trọt và bảo vệ thực vật *(ở xã, phường, thị trấn có hoạt động sản xuất nông nghiệp)* | 2.340.000 đồng/người/tháng |
| 4 | Nhân viên quản lý chất lượng nông lâm sản và thuỷ sản *(ở xã, phường, thị trấn)*  | 2.340.000 đồng/người/tháng |

**2. Mức hỗ trợ đối với người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Chức danh** | **Mức hỗ trợ** |
| 1 | Thôn đội trưởng, Tổ đội trưởng | 1.170.000 đồng/người/tháng |
| 2 | Nhân viên y tế thôn | Thực hiện theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ |
| 3 | Đội trưởng đội dân phòng | 20% lương tối thiểu vùng/người/tháng |
| 4 | Đội phó đội dân phòng | 15% lương tối thiểu vùng/người/tháng |
| 5   | Cộng tác viên dân số, gia đình và trẻ em ở thôn, tổ dân phố |  |
| - Thôn, tổ dân phố loại I  | 1.000.000 đồng/người/tháng |
| - Thôn, tổ dân phố loại II | 800.000 đồng/người/tháng |
| - Thôn, tổ dân phố loại III | 600.000 đồng/người/tháng |

**PHỤ LỤC 03**

**QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC**

**CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI Ở CẤP XÃ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN,**

**TỔ DÂN PHỐ**

 *(Ban hành kèm theo Nghị quyết số …../2025/NQ-HĐND ngày … tháng … năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam)*

**1. Mức hỗ trợ hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã:**

 *Đơn vị tính: triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Mức hỗ trợ** |
|  | **Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị cấp xã**  | **160** |
| 1 | Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc cấp xã *(trong đó có 30 triệu đồng thực hiện cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh theo Thông tư 121/2017/TT-BTC ngày 15/11/2017 của Bộ Tài chính)*  | 60 |
| 2 | Hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ | 25 |
| 3 | Hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh | 25 |
| 4 | Hoạt động của Hội Nông dân | 25 |
| 5 | Hoạt động của Hội Cựu chiến binh | 25 |

**2. Mức hỗ trợ hoạt động của thôn, tổ dân phố (bao gồm kinh phí hoạt động của Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố và các hoạt động khác của thôn, tổ dân phố theo chế độ quy định):**

a) Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; Thôn, tổ dân phố thuộc ĐVHC cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập ĐVHC đô thị cấp xã: 20 triệu đồng/thôn, tổ dân phố/năm;

b) Thôn, tổ dân phố còn lại: 15 triệu đồng/thôn, tổ dân phố/năm.